TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2025
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Vân.

2. Ông Lê Đình Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh-Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Hồng Phong-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương X, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Làng K, xã K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 21/3/2022 tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Đức M, sinh ngày 07/6/2023, hiện nay con đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi và trong quá trình giải quyết vụ án chị X yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng; tại phiên tòa chị X thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh N trình bày ý kiến và tham gia các hoạt động tố tụng tại Toà án nhưng anh N đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ; không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo và các quyết định của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương X được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đức M, sinh ngày 07/6/2023 cho chị Nguyễn Thị Phương X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với anh Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại Làng K, xã K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của của Toà án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương X và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị X và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị X, không tham gia hòa giải. Điều này thể hiện anh N đã bỏ mặc sự việc đến đâu thì đến, không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị X nữa. Tòa án đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên chị X hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị X vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị X và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Phương X và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 07/6/2023, hiện con đang ở với chị X. Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Đức M.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương X về việc nuôi con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con còn nhỏ đang sinh sống cùng chị X, chị X đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, có công việc làm và thu nhập kinh tế hàng tháng ổn định, để đảm bảo quyền lợi phát triển mọi mặt của con chưa thành niên cần giao con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị X, giao con Nguyễn Đức M cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do vậy, chị Nguyễn Thị Phương X yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là

phù hợp. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị X yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa chị X thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị X là phù hợp với thu nhập thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con chung phần của anh Nguyễn Văn N. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện chịu án phí của chị X, chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương X được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 07/6/2023 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình kể từ tháng 10 năm 2025.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đức M định kỳ hàng tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2025.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 000510 ngày 18/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Phương X còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (16/10/2025), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Đức